

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 16-8-2019.

V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm.

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thương T, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Số 03/2, tổ 38, khu phố L, thị trấn T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đ trình bày: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống bên gia đình anh T; đến năm 2009 vợ chồng chị về sống riêng tại nhà ông bà nội chị, cùng làm nghề buôn bán. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và anh T đã quay về sống chung với gia đình anh T nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường gây cãi và do thời gian sau này anh T ham mê rượu chè, tụ tập

bạn bè ăn chơi, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà còn hành hung đánh chị. Vợ chồng ly thân từ tháng 06/2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh T đều không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 người, Nguyễn T N, sinh ngày 21/11/2010 và Nguyễn T K, sinh ngày 26/9/2014, đang theo sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2019 và đơn xin vắng mặt cùng ngày anh T trình bày: Nhận thấy thống nhất với lời khai của chị Đ về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo anh T là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây cãi nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh có đánh chị Đ hai lần. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh đồng ý giao chị Đ nuôi hai cháu, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Nguyễn Thương T.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn T N, sinh ngày 21/11/2010 và Nguyễn T K, sinh ngày 26/9/2014 cho chị Đ tiếp tục nuôi.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ và anh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do Th tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai vợ chồng đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và đều yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T đã đến mức trầm trọng, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai cháu Nguyễn T Nghĩa, sinh ngày 21/11/2010 và Nguyễn T Kiệt, sinh ngày 26/9/2014 đang theo sống với chị Đ; Cháu Nghĩa có nguyện vọng theo sống với chị Đ; Chị Đ có đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu cần thiết giao chị Đ tiếp tục nuôi các cháu; ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Anh Đ đối với anh Nguyễn Thương T. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Nguyễn Thương T.

2. Về con chung:

- Giao hai con chung: Cháu Nguyễn T Ng, sinh ngày 21/11/2010 và Nguyễn T K, sinh ngày 26/9/2014 cho chị Đ có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Đ đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017047 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đ được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND H. Trảng Bàng;*
- *Chi cục THADS H. Trảng Bàng;*
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *UBND xã A;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Tài